TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày 24/5/2024
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quang Liêm và bà Nguyễn Thị Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐXXST-DS ngày 07/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Quỹ tín dụng nhân dân C**;

Địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Công B**- Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Xuân T**, sinh năm 1974; trú tại số …/… Bùi Thị X, phường L, TP Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1984 và chị **Đỗ Thị Q**, sinh năm 1989; Đều trú tại: thôn N, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

Ông T có mặt, anh T, chị Q đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân C do người đại diện theo uỷ quyền ông Hoàng Xuân Triệu trình bày:

- Ngày 13/12/2017 Quỹ tín dụng nhân dân C và vợ chồng anh Phạm Văn T, chị Đỗ Thị Q đã ký hợp đồng tín dụng số 1117014/HĐTD, theo đó Quỹ tín dụng nhân dân C cho vợ chồng anh T, chị Q vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung tài chính xây nhà ở. Phương thức cho vay từng lần, nghĩa là giải ngân một lần, thời hạn vay là 01 năm (365 ngày) kể từ ngày 13/12/2017 đến ngày 13/12/2018, lãi suất cho vay 11,92%/năm, phương thức trả nợ gốc một lần vào

ngày cuối cùng. Phương thức trả lãi theo tháng nhưng không quá 03 tháng/01 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Đối với lãi chậm trả lãi suất được áp dụng là 10% số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngoài ra hợp đồng còn quy định một số điều khoản về quyền và nghĩa vụ các bên, phương thức giải quyết tranh chấp. Đây là loại cho vay không có tài sản thế chấp (vay tín chấp), cùng ngày Quỹ tín dụng nhân dân C đã giải ngân bằng tiền mặt, anh T đã nhận đủ số tiền vay thể hiện tại phiếu chi số CT: 0001/PC và ký giấy nhận nợ.

Quá trình vay vốn, vợ chồng anh T mới trả được số tiền lãi trong hạn 2.144.000 đồng, còn lại lãi trong hạn và số tiền nợ gốc không trả. Quỹ tín dụng đã nhiều lần thông báo, đôn đốc, làm việc, tuy nhiên anh T, chị Q vẫn không trả được nợ. Mặc dù đã vi phạm về khoản tiền trả lãi ngay từ quý đầu tiên, tuy nhiên Quỹ tín dụng xét hoàn cảnh vợ chồng anh T, chị Q khó khăn nên cũng chỉ động viên trả nợ. Đến ngày 22/3/2019 Quỹ tín dụng nhân dân C ra Thông báo chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn bắt đầu từ ngày 29/03/2019, nhưng từ đó đến nay anh T, chị Q cũng không trả nợ gốc và lãi cho Quỹ. Đối với các Thông báo nợ quá hạn sau này, do cán bộ Quỹ không hiểu biết nên tiếp tục thông báo nợ quá hạn xác định ngày không chính xác. Dù Quỹ tín dụng có bị thiệt hại nhưng Quỹ tín dụng chấp nhận tính lãi quá hạn kể từ ngày 29/03/2019 là hoàn toàn tự nguyện. Nay, Quỹ tín dụng nhân dân C đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Văn T và chị Đỗ Thị Q phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân C các khoản như sau: Nợ gốc: 100.000.000 đồng; Lãi trong hạn từ ngày vay (sau khi đối trừ số tiền lãi đã trả 2.144.000 đồng), còn phải trả lãi trong hạn 13.205.000 đồng. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, kể từ ngày 29/03/2019 tính đến hết ngày 24/5/2024 là 92.290.200 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết; Tiền lãi phạt chậm trả lãi bằng 10%, là 1.464.000 đồng. Tổng cộng 206.959.200 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi tất toán khoản vay.

- *Bị đơn là anh Phạm Văn T trình bày:* Ngày 13/12/2017 Quỹ tín dụng nhân dân C và vợ chồng anh đã ký hợp đồng tín dụng số 1117014/HĐTD, theo đó Quỹ tín dụng nhân dân C cho vợ chồng anh vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung tài chính xây nhà ở. Phương thức cho vay từng lần nghĩa là giải ngân một lần, thời hạn vay là 01 năm (365 ngày) kể từ ngày 13/12/2017 đến ngày 13/12/2018, lãi suất cho vay 11,92%/năm, phương thức trả nợ gốc một lần vào ngày cuối cùng. Phương thức trả lãi theo tháng nhưng không quá 03 tháng/01 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Đối với lãi chậm trả lãi suất được áp dụng là 10% số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngoài ra hợp đồng còn quy định một số điều khoản liên quan đến quyền và nghĩa vũ các bên, phương thức giải quyết tranh chấp. Đây là khoản vay tín chấp (không phải thế

chấp tài sản), cùng ngày ký hợp đồng tín dụng, Quỹ tín dụng nhân dân C đã giải ngân bằng tiền mặt, anh đã nhận đủ số tiền vay và ký giấy nhận nợ. Quá trình vay vốn, vợ chồng anh mới trả được số tiền lãi trong hạn 2.144.000 đồng, còn lại lãi trong hạn và số tiền nợ gốc anh chưa trả được. Mặc dù Quỹ tín dụng đã nhiều lần thông báo, đôn đốc, làm việc, tuy nhiên do vợ chồng anh làm ăn thua lỗ, nên vẫn không trả được nợ. Mặc dù theo hợp đồng thì vợ chồng anh đã vi phạm ngay sau khi vay một vài tháng đối với khoản tiền lãi. Tuy nhiên, Quỹ tín dụng xem xét hoàn cảnh khó khăn nên đến ngày 29/03/2019 mới chuyển nợ quá hạn anh cũng nhất trí. Nay, Quỹ tín dụng nhân dân C khởi kiện buộc vợ chồng anh phải trả nợ cho Quỹ các khoản gồm: Nợ gốc: 100.000.000 đồng; Lãi trong hạn từ ngày vay (sau khi đối trừ số tiền lãi đã trả 2.144.000 đồng), còn phải trả lãi trong hạn 13.205.000 đồng. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, kể từ ngày 29/03/2019 tạm tính đến hết ngày 31/01/2024 là 86.705.800 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết; Tiền lãi phạt chậm trả lãi bằng 10%, là 1.464.000 đồng. Tổng cộng: 201.374.800 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi tất toán khoản vay, vợ chồng anh nhất trí. Do hiện nay vợ chồng anh rất khó khăn, phải đi làm thuê, nên đề nghị cho anh trả trước 10.000.000 đồng và trả dần hàng tháng và đề nghị Quỹ miễn, giảm lãi suất cho vợ chồng anh.

+ Đối với bị đơn chị Đỗ Thị Q: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng qua người thân và niêm yết các văn bản như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên từ khi thụ lý đến khi xét xử, chị Q không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã nhiều lần đến nhà để làm việc nhưng chị Q không có mặt ở nhà nên không thể lấy lời khai, làm việc được với chị Q.

Đại diện UBND xã Văn Tố xác định: Anh Phạm Văn T là con ông Phạm Văn N và bà Vũ Thị P, có vợ là Đỗ Thị Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn N, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, anh chị thuộc hộ cận nghèo. Do nợ lần nhiều nên anh chị đi làm ăn xa, chỉ thỉnh thoảng về nhà rồi lại đi, hiện nay anh chị ấy làm gì, ở đâu địa phương không nắm được.

Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an xác nhận: chị Đỗ Thị Q không có thông tin xuất cảnh.

Đại diện gia đình anh T, ông Phạm Văn N (bố đẻ anh T) cung cấp: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị Q ăn riêng, kinh tế độc lập. Do làm ăn thua lỗ, anh chị để lại 03 con cho ông bà nuôi dưỡng hộ và đi làm ăn lấy tiền trả nợ, còn anh chị làm gì, ở đâu ông không nắm được. Nay Quỹ tín dụng nhân dân C khởi kiện đòi nợ anh chị ấy, Tòa án giao các văn bản tố tụng cho anh T, chị Q, ông nhận thay và có trách nhiệm thông báo cho anh chị ấy biết nhưng ông không ký biên bản.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc vợ chồng anh T, chị Q phải trả nợ gốc và lãi suất trong hạn, quá hạn đến ngày xét xử, lãi phạt chậm trả lãi và phải tiếp tục trả lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh T có mặt một số buổi làm việc hòa giải. Chị Q vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và tại tất cả các phiên tòa là không chấp hành đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 217, 227 BLTTDS; các Điều 280; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phía Toà án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh Phạm Văn T và chị Đỗ Thị Q phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân C số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử và phải tiếp tục chịu tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử đến khi trả xong toàn bộ nợ gốc, tiền lãi phạt chậm trả lãi. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh T, chị Q theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Văn T, chị Đỗ Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt anh T, chị Q.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ pháp nhân của Quỹ tín dụng nhân dân C, căn cứ mục đích vay vốn trong hợp đồng tín dụng là vay tiêu dùng; anh Phạm Văn T, chị Đỗ Thị Q có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, vì vậy đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện đòi trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Hợp đồng tín dụng số 1117014/HĐTD ngày 13/12/2017 và giấy nhận nợ giữa Quỹ tín dụng nhân dân C và anh Phạm Văn T được ký kết trên cơ sở thỏa thuận, tự nguyện của các bên, đảm bảo điều kiện về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, đúng quy định về hoạt động của Tổ chức tín dụng tại điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; phù hợp quy định tại khoản 7 Điều 16 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức

tín dụng đối với khách hàng và xác định là hợp đồng hợp pháp. Theo thỏa thuận tại hợp đồng số 1117014/HĐTD và giấy nhận nợ, anh T đã nhận vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm (365 ngày) kể từ ngày 13/12/2017 đến ngày 13/12/2018, lãi suất cho vay 11,92%/năm, phương thức trả nợ gốc một lần vào ngày cuối cùng. Phương thức trả lãi theo tháng nhưng không quá 03 tháng/01 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Đối với lãi chậm trả lãi suất được áp dụng là 10% số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T mới trả được lãi trong hạn 2.144.000 đồng, còn lại lãi trong hạn và số tiền nợ gốc không trả. Theo quy định tại hợp đồng tín dụng, anh T, chị Q phải trả lãi hàng tháng nhưng không quá 03 tháng/01 lần, nghĩa là nếu không trả được lãi hàng tháng thì 03 tháng, anh T phải trả lãi 2.980.000 đồng/3 tháng, nhưng anh mới trả được 2.144.000 đồng tiền lãi là đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi. Mặc dù vậy, Quỹ vẫn xét hoàn cảnh khó khăn nên chỉ thông báo, đôn đốc, nhắc nhở anh T trả nợ nhưng anh T, chị Q vẫn không trả. Đến ngày 22/3/2019, Quỹ mới ra thông báo chuyển nợ quá hạn là ngày 29/3/2019 nhưng anh T vẫn không trả đầy đủ nợ gốc và lãi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định của hợp đồng và khế ước nhận nợ mà các bên đã ký kết. Xét hợp đồng tín dụng chỉ có một mình anh T ký, tuy nhiên mục đích vay vốn là phục vụ sinh hoạt và phát triển kinh tế gia đình. Do vậy, Quỹ tín dụng nhân dân C khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T, chị Q phải trả 100.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi trong hạn 13.205.000 đồng, lãi quá hạn kể từ ngày 29/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định tại hai hợp đồng tín dụng với số tiền 92.290.200 đồng là có căn cứ quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 463, 466 BLDS.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Quỹ tín dụng nhân dân C có yêu cầu về tiền nợ lãi do chậm trả lãi 1.464.000 đồng đối với hợp đồng tín dụng số 1117014/HĐTD thấy rằng: Bản chất đây là phạt lãi chậm trả lãi theo thỏa thuận tại Điều 2 hợp đồng tín dụng. Theo khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, quy định: *"Hợp đồng vay tài sản vừa có thỏa thuận phạt vi phạm, vừa có thỏa thuận lãi trên nợ gốc quá hạn hoặc hình thức khác áp dụng đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án căn cứ quy định tương ứng của Bộ luật Dân sự, Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự, Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất để xem xét, quyết định xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn theo nguyên tắc hướng dẫn tại khoản 1 Điều này"*. Xét thấy Hợp đồng tín dụng số 1117014/HĐTD xác lập kể từ sau ngày 01-01-2017, nên theo điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng có quy định "Trường hợp khách

hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả"; Như vậy, việc Quỹ tín dụng nhân dân C yêu cầu vợ chồng anh T, chị Q phải trả khoản tiền nợ lãi do chậm trả lãi trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là có căn cứ, được chấp nhận.

[5] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ: Tại Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, quy định: "Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm. Trong hợp đồng các bên có thỏa thuận phải tiếp tục chịu lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định. Vì vậy, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh T, chị Q còn phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân C khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Lãi suất mà anh T, chị Q phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng nhân dân C.

[6] Từ những chứng cứ, lập luận nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Phạm Văn T và chị Đỗ Thị Q phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân C số tiền tính đến ngày 24/5/2024, cụ thể như sau: Nợ gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 13.205.000 đồng; tiền lãi quá hạn 92.290.200 đồng, tiền lãi chậm trả lãi: 1.320.500 đồng, tổng cộng **206.815.700 đồng** và tiếp tục trả lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên, anh T, chị Q thuộc hộ cận nghèo và đề nghị được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên HĐXX miễn án phí cho anh T, chị Q là phù hợp

với quy định tại Điều 47 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 12, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thượng vụ Quốc hội quy định về … án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân C đối với vợ chồng anh Phạm Văn T và chị Đỗ Thị Q.

Buộc anh Phạm Văn T, chị Đỗ Thị Q phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân C khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 1117014/HĐTD ngày 13/12/2017 với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn từ khi vay đến hết ngày 28/3/2019 là 13.205.000 đồng, tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 29/3/2019 đến ngày xét xử là 92.290.200 đồng, tiền lãi phạt chậm trả lãi trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả 1.464.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và tiền lãi là **206.959.200** đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm, anh Phạm Văn T và chị Đỗ Thị Q còn phải tiếp tục trả cho Quỹ tín dụng nhân dân C khoản tiền lãi suất nợ quá hạn phát sinh trên số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1117014/HĐTD ngày 13/12/2017 và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc. Trường hợp hợp đồng tín dụng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng cho vay thì lãi suất mà anh Phạm Văn T và chị Đỗ Thị Q phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân C theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân C.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Phạm Văn T và chị Đỗ Thị Q.

Trả lại Quỹ tín dụng nhân dân C 5.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23, số 0004763 ngày 04/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Quỹ tín dụng nhân dân C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T, chị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân